



Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thông tin chung**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán
Chứng chỉ Quỹ ra công chúng số**

02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra Công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập
Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở số**

11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014
03/GCN-UBCK ngày 2 tháng 4 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

Ban Đại Diện Quỹ

Ông Trần Phát Minh Chủ tịch
Ông Cung Trần Việt Thành viên
Ông Huỳnh Richard Lê Minh Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
– Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Trụ sở đăng ký

Tầng 5, Tòa nhà HM
412 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 5, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Tôi, Cung Trần Việt, Thành viên Ban Đại diện Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu tư của Quỹ đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Cung Trần Việt
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198”), Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở (“Thông tư 181”), các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, Thông tư 181, các quy định có liên quan của Thông tư 98 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Thay mặt Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt



Phạm Pho Hop
Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“VCAMBF” hoặc “Quỹ”) hướng tới mục tiêu là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VCAMBF tuân thủ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Quỹ, tính đến ngày kết thúc kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm 33,86% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm cổ phiếu (bao gồm cả là cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư và các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, hoặc trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống (“Top-Down Approach”), trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên (“Bottom-Up Approach”) trong việc lựa chọn từng cơ hội đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá và phân tích tiềm năng của từng cơ hội đầu tư.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ VCAMBF là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“VCAM”) quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao)

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình nhờ danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ là ngày 15 tháng 5 năm 2014.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 77.529.970.878 VND.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành: 5.737.082,56 Chứng chỉ Quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gán nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ (tại thời điểm báo cáo)

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ lũy kế đến thời điểm báo cáo là 3.500 VND/Chứng chỉ Quỹ.

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản Quỹ

Cơ cấu tài sản Quỹ	31/12/2022 (%)	31/12/2021 (%)	31/12/2020 (%)
1. Danh mục chứng khoán	55,20	65,76	61,68
2. Tài sản khác	44,80	34,24	38,32
Cộng	100,00	100,00	100,00

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2020
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	77.529.970.878	117.220.725.865	83.573.284.315
2.2. Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (CCQ)	5.737.082,56	7.071.151,75	6.512.955,34
2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ (VND/CCQ)	13.513,83	16.577,32	12.831,85
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	16.933,07	16.759,48	12.831,85
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	12.852,36	12.492,76	9.683,33
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	(18,48%)	29,19%	7,67%
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	58,72%	(84,10%)	2.574,55%
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(77,20%)	113,28%	(2.566,88%)
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không có	500	500
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không có	436	452
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	7/10/2021	29/10/2020
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,00%	1,82%	2,15%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,93	1,13	1,23

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
- 1 năm	(18,48%)	(18,48%)
- 3 năm	13,39%	51,16%
- Từ khi thành lập	35,14%	88,59%



Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

4. Tăng trưởng hàng năm

Năm kết thúc ngày	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2020
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(18,48%)	29,19%	7,67%

III. Mô tả thị trường trong năm

GDP phục hồi tốt trong bối cảnh vĩ mô thử thách

- Tính chung cả năm 2022, GDP tăng trưởng 8,02%, cao nhất trong hơn một thập kỷ với động lực chính đến từ sự hồi phục trở lại kể từ Quý III/2021. Trong đó, khu vực dịch vụ thể hiện sự phục hồi mạnh mẽ với mức tăng 9,99%, đóng góp 56,65% trong cơ cấu tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, khu vực công nghiệp và xây dựng vẫn giữ vai trò trụ cột lại thể hiện tốc độ tăng trưởng chậm lại với mức tăng 4,22% trong Quý IV và 7,78% trong cả năm 2022, đóng góp 38,24% vào mức tăng trưởng chung.

Lạm phát trong tầm kiểm soát

- CPI tháng 12 giảm 0,01% so với tháng trước, tăng 4,55% so với cùng kỳ và tăng 4,55% so với tháng 12/2021 cho thấy lạm phát đang được kiểm chế tốt sau sự tăng mạnh vào tháng 9. Tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với cả năm 2021, dưới mức 4% mà Chính phủ đề ra. Yếu tố tác động chính lên sự thay đổi CPI là nhóm giao thông vận tải tăng mạnh nhất với 11,3% do sự điều chỉnh của giá xăng.

Lượng vốn FDI giải ngân tăng mạnh

- Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2022 đạt gần 27,72 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký cấp mới sụt giảm khá rõ rệt, chỉ đạt 12,45 tỷ USD, giảm 18,4% so với cùng kỳ năm trước trong khi số sự án lại tăng 17% cho thấy các dự án mới sẽ có quy mô nhỏ hơn các năm trước. Điểm sáng nằm ở FDI đăng ký điều chỉnh, đạt 10,12 tỷ USD, tăng 12,2% so với năm ngoái.
- Tuy tăng trưởng FDI giải ngân Quý IV không quá ấn tượng so với cùng kỳ, giá trị tuyệt đối vẫn duy trì ở mức cao, đạt gần 7 tỷ USD, cao nhất trong Quý IV của 5 năm gần nhất. Năm 2022, vốn FDI giải ngân đạt 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước và tăng 10% so với trước khi xảy ra dịch vào năm 2019.

Xuất nhập khẩu dần bình ổn nhưng chưa có tín hiệu đảo chiều

- Cả năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó xuất khẩu đạt 371,8 tỷ USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu đạt 360,7 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại cả năm ở trạng thái xuất siêu 11,2 tỷ USD, gần ba lần so với năm 2021.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu mất đà tăng trong Quý IV khi đạt 174,6 tỷ USD, giảm 6,1% so với năm trước do tình hình kinh tế và đơn hàng từ các thị trường xuất khẩu chính chậm lại. Mặc dù vậy, các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam là Mỹ vẫn duy trì mức tăng 13,2% trong năm 2022, EU ghi nhận mức tăng 24%. Trong khi đó, thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam là Trung Quốc vẫn duy trì chính sách Zero Covid trong năm 2022.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tăng trưởng tín dụng tiếp tục thấp

- Tính đến thời điểm 21/12/2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,85% so với cuối năm 2021 (cùng thời điểm năm 2021 tăng 8,31%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 5,99% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 7,73%). Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 12,87% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 12,53%), thấp hơn mục tiêu 14% mà Ngân Hàng Nhà Nước đặt ra. Với tốc độ này, huy động ghi nhận năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng thấp hơn so với tín dụng.

Lãi suất duy trì mức nền cao

- Ngày 24/10/2022, Ngân hàng Nhà Nước tiếp tục điều chỉnh một loạt lãi suất điều hành sau lần thứ nhất vào ngày 22/9/2022. Lãi suất tái cấp vốn từ 5% lên 6%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 3,5% lên 4,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà Nước với các Tổ chức tín dụng từ 6% lên 7%/năm.
- Động lực tăng lãi suất của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã có dấu hiệu giảm bớt sau khi FED chỉ tăng 50 điểm cơ bản vào tháng 12, do CPI giảm từ 7,7% xuống còn 7,1% trong tháng 11 được cho là tốt hơn kỳ vọng của thị trường

Sức ép tỷ giá hạ nhiệt vào cuối năm:

- Tính đến ngày 31/12/2022, tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng đã giảm xuống mức 23.633 từ mức 24.702 của ngày 30/11/2022. Tính từ đầu năm 2022, VND đã mất giá 3,5 % so với USD. Đây là sự hồi phục khá tích cực trong 2 tháng cuối năm khi VND đã có lúc mất giá 8,9% so với đầu năm. Tuy nhiên, so với đồng tiền khác trong khu vực, VND vẫn đang có mức độ mất giá ít nhất so với USD.

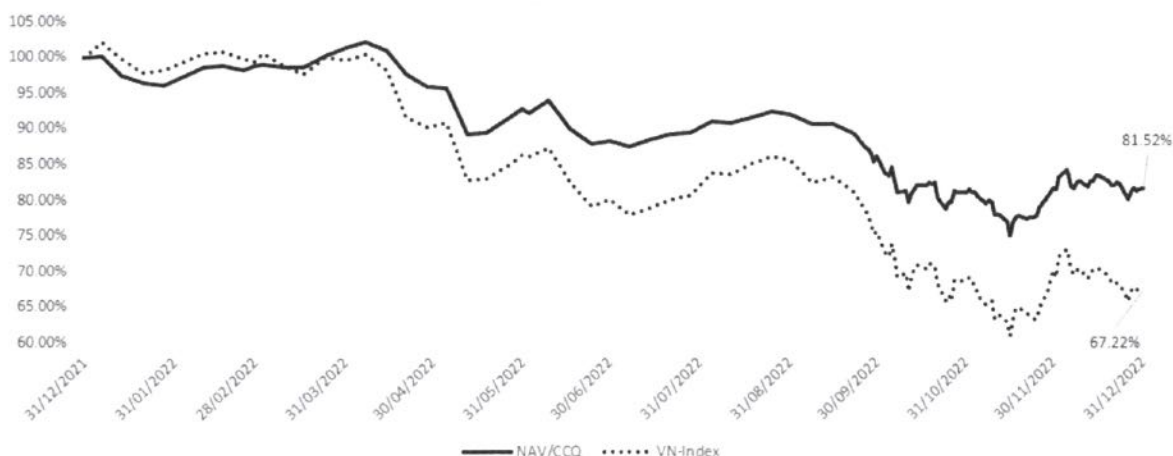
IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ:

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(77,20%)	(1.299,74%)	4,89%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	58,72%	(1.313,13%)	30,25%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	(18,48%)	13,39%	35,14%
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	(18,48%)	51,16%	88,59%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ tăng trưởng của chứng chỉ quỹ từ đầu năm tới ngày 31/12/2022:



Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND	Tỷ lệ thay đổi %
A	1	2	$3 = ((1) - (2)) / (2)$
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	77.529.970.878	117.220.725.865	(33,86%)
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ	13.513,83	16.577,32	(18,48%)

4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm 31/12/2022)

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ Quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	145	121.492,20	2,10%
Từ 5.000 đến dưới 10.000	14	110.191,85	1,92%
Từ 10.000 đến dưới 50.000	9	141.189,33	2,47%
Từ 50.000 đến 500.000	3	584.675,74	10,20%
Trên 500.000	1	4.779.533,44	83,31%
Tổng cộng	172	5.737.082,56	100,00%

5. Chi phí ngầm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngầm và chính sách giảm giá.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Nhận định năm 2023

Thế giới

- Kinh tế toàn cầu đứng trước nguy cơ suy thoái;
- Lộ trình tăng lãi suất của FED chưa có dấu hiệu chấm dứt;
- Trung Quốc mở cửa sau thời gian dài duy trì “Zero Covid” giúp kích thích nền kinh tế; và
- Rủi ro xung đột chính trị vẫn hiện hữu.

Trong nước

- Tăng trưởng chung của nền kinh tế có khả năng chậm lại từ mức nền cao 2022, nhất là trong nửa đầu năm 2023 và áp lực suy giảm nhu cầu của các thị trường xuất khẩu;
- Lạm phát và sức ép lãi suất phụ thuộc nhiều vào chính sách của FED;
- Áp lực đáo hạn và hành lang pháp lý cho trái phiếu vẫn trong giai đoạn hoàn thiện; và
- Triển vọng tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào hoạt động giải ngân đầu tư công.

Định hướng đầu tư năm 2023

- Quan điểm đầu tư lạc quan hơn cho nửa sau của năm 2023;
- Tiêu điểm đầu tư:
 - Tập trung vào các ngành được hưởng lợi khi hoạt động giải ngân đầu tư công có tín hiệu khởi sắc;
 - Các doanh nghiệp ít bị ảnh hưởng của chu kỳ kinh tế, ít chịu tổn thất trong môi trường lãi suất tăng và hưởng lợi nhờ xu hướng này; và
 - Các doanh nghiệp được kỳ vọng tích cực khi nhu cầu của các thị trường xuất khẩu hồi phục.



Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

VI. Thông tin khác

1. Nhân sự điều hành Quỹ

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Phạm Pho Hop (Phạm Hợp Phó)	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị	Thạc sĩ về Quản trị Hành chính công tại trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ. Cử nhân ngành Khoa học Máy tính và ngành Quan hệ Quốc tế tại trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ.	Ông Phó hiện là Tổng Giám Đốc của VCAM. Trước khi gia nhập VCAM, ông Phó giữ chức vụ Phó Chủ tịch Quỹ IDG Ventures Việt Nam (2006-2017), thành viên sáng lập muaban.net chịu trách nhiệm quản lý các hạng mục đầu tư, nghiên cứu đánh giá thị trường, phân tích cơ hội đầu tư, phát triển doanh nghiệp, gọi vốn và thoái vốn, cho các công ty giai đoạn khởi nghiệp và tăng trưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, thương mại điện tử như Hotdeal.vn, NhạcCuatui.com, Webtretho.com... Trước đó ông có 5 năm là Cố vấn cấp cao Công nghệ Thông tin (Senior IT Consultant II) tại Trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ.
Bà Trương Thị Thanh Ngọc	Giám Đốc Quỹ	Cử nhân Tài chính Tín dụng tại trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh Cao học Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Bolton, UK	Gia nhập VCAM từ năm 2017, bà Thanh Ngọc phụ trách việc phân tích và nghiên cứu đầu tư của Quỹ. Bà Thanh Ngọc có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng với các vị trí Trưởng bộ phận Giám sát tại Ban Kiểm soát nội bộ thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB); sau đó là Trưởng bộ phận Phân tích và Kế hoạch thuộc Khối Chiến lược Phát triển của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBANK). Tại đây, bà phụ trách các hoạt động về nghiên cứu thị trường, đánh giá hiệu quả hoạt động của các ngân hàng, nhằm xây dựng mục tiêu và kế hoạch tăng trưởng với sự tư vấn của các Chuyên gia Cấp cao đến từ Ngân hàng Maybank, Malaysia – Cổ đông chiến lược của ABBANK.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Ban Đại diện Quỹ

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân ngành Tài chính Kế toán Doanh nghiệp tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Ông Trần Phát Minh có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông đã đảm nhận những chức vụ Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Chứng khoán Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Kiên Long.
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, ông đã là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998. Kể từ năm 2002, ông là giảng viên môn Quản trị Tài chính và Định giá Doanh nghiệp tại khoa Kinh Tế, Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh. Là thành viên sáng lập của Công ty Tư vấn PSV, ông đã có quá trình cộng tác chặt chẽ với hai công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân Thương mại của Curtin University of Western Australia Thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (CPA Australia)	Ông Huỳnh Richard Lê Minh có kinh nghiệm lâu năm trong ngành kiểm toán và quản trị chuyên nghiệp. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc PriceWaterhouseCoopers Việt Nam, và Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“VCSC”).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

3. Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Bà Nguyễn Thanh Phượng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội) Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính Đại học Quốc tế tại Geneva (International University in Geneva), Thụy Sĩ	Bà Nguyễn Thanh Phượng là thành viên sáng lập của VCAM và VCSC. Bà hiện đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCAM và VCSC kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Với việc thay đổi nhận diện thương hiệu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Viet Capital Bank”) (tiền thân là Ngân hàng Gia Định), bà Phượng được bầu chọn vào Hội đồng Quản trị của ngân hàng này từ tháng 2 năm 2012. Trong vai trò thành viên Hội đồng Quản trị, bà Phượng chịu trách nhiệm về định hướng tầm nhìn, quản trị chiến lược, hỗ trợ Ban Điều hành với mục tiêu đưa Viet Capital Bank trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu trên thị trường. Bà Phượng từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim (Việt Nam), tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ, một trong những nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Trước khi sáng lập VCAM, Bà giữ vai trò Giám đốc Đầu tư của Quỹ Vietnam Holding, một Quỹ đầu tư nước ngoài niêm yết trên thị trường chứng khoán Luân Đôn.

Số: 01/2017

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều hành	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, ông đã là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sỹ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998. Kể từ năm 2002, ông là giảng viên môn Quản trị Tài chính và Định giá Doanh nghiệp tại khoa Kinh Tế, Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh. Là thành viên sáng lập của Công ty Tư vấn PSV, ông đã có quá trình cộng tác chặt chẽ với hai công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị	Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Đại học Sydney University of Technology (Australia) Hội viên cao cấp của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (FCPA Australia)	Ông Tuấn trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Trước khi gia nhập VCAM, ông đã giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty. Ngoài ra, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu Việt Nam và thế giới như PriceWaterhouseCoopers (Vietnam và Australia) và Dutch Lady Vietnam, nơi ông lần lượt đảm trách các chức vụ Giám đốc Quản trị Thuế và Giám đốc Kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
<p>Ông Nguyễn Hoàng Bảo (Henry)</p>	<p>Thành viên Hội đồng Quản trị</p>	<p>Cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard</p> <p>Tiến sĩ Y khoa trường Đại học Northwestern</p> <p>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Kellogg School of Management – Hoa Kỳ</p>	<p>Ông Bảo hiện đang là Tổng Giám đốc của Quỹ đầu tư IDG Ventures tại Việt Nam (IDGVV), chuyên đầu tư vào các công ty thuộc lĩnh vực tiêu dùng, truyền thông và công nghệ kể từ năm 2004. Trước khi gia nhập IDG Ventures Vietnam, ông từng là cộng sự nghiên cứu của Ngân hàng đầu tư Goldman Sachs tại New York. Ông cũng là một trong các thành viên sáng lập S2S Medical Publishing và trang web Medschool.com. Ông còn là Giám đốc Nhượng quyền Phát triển của tập đoàn McDonald’s tại Việt Nam.</p> <p>Ông được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, là thành viên của Hiệp hội Asia Society. Ông còn là thành viên Hội đồng Quản trị của Trường Đại học Anh Quốc tại Việt Nam. Ngoài ra, ông còn là Chủ tịch Hội đồng cố vấn của Quỹ Phẫu thuật nụ cười Operation Smile Vietnam và là thành viên của Hiệp hội Thương mại Amcham tại Việt Nam. Ông Henry giữ chức vụ điều hành của Tập đoàn VC, Công ty Cổ phần Vật Giá, Công ty Cổ phần Truyền thông trực tuyến VTC, Tập đoàn Công nghệ Vega, VinaPay và Công ty Cổ phần Truyền thông Mặt Trời Vàng.</p>



Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Phạm Pho Hop (Phạm Hop Phó)	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị	Thạc sĩ về Quản trị Hành chính công tại trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ. Cử nhân ngành Khoa học Máy tính và ngành Quan hệ Quốc tế tại trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ.	Ông Phó hiện là Tổng Giám Đốc của VCAM. Trước khi gia nhập VCAM, ông Phó giữ chức vụ Phó Chủ tịch Quỹ IDG Ventures Việt Nam (2006-2017), thành viên sáng lập muaban.net chịu trách nhiệm quản lý các hạng mục đầu tư, nghiên cứu đánh giá thị trường, phân tích cơ hội đầu tư, phát triển doanh nghiệp, gọi vốn và thoái vốn cho các công ty giai đoạn khởi nghiệp và tăng trưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, thương mại điện tử như Hotdeal.vn, NhacCuatui.com, Webtretho.com... Trước đó ông có 5 năm là Cố vấn cấp cao Công nghệ Thông tin (Senior IT Consultant II) tại Trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt




Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát



Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ”). Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ VCAMBF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ VCAMBF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Từ ngày 1/1/2022 đến hết ngày 31/12/2022 Quỹ không phát sinh giao dịch phân phối lợi tức.



Ông Hoàng Văn Sơn

Phó Giám đốc

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa**

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Bà Nguyễn Thị Song Hoanh

**Phó Trưởng phòng Định chế tài chính
và Lưu ký chứng khoán**



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quý cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00360-23-1



Chông Kwang Puay

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
I	THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		(19.093.606.999)	30.315.204.423
1.1	Cổ tức được chia	02	13	1.754.103.945	1.744.027.794
1.2	Tiền lãi được nhận	03	13	1.593.692.656	1.074.305.829
1.3	Lãi bán các khoản đầu tư	04	14	2.118.817.045	16.082.336.009
1.4	Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	15	(24.560.220.645)	11.414.534.791
II	CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		272.536.710	324.576.718
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	16	272.536.710	324.576.718
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20		2.098.116.471	1.841.530.987
3.1	Giá dịch vụ quản lý Quỹ	20.1	20	1.161.009.255	906.572.973
3.2	Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	17	304.506.991	317.043.180
3.3	Giá dịch vụ giám sát	20.3	20	66.000.000	66.000.000
3.4	Giá dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	20	198.000.000	198.000.000
3.5	Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5		132.000.000	133.100.000
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		147.000.000	135.000.000
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	18	89.600.225	85.814.834
IV	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)	23		(21.464.260.180)	28.149.096.718
VI	TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)	30		(21.464.260.180)	28.149.096.718
6.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		3.095.960.465	16.734.561.927
6.2	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	32	15	(24.560.220.645)	11.414.534.791
VII	CHI PHÍ THUẾ TNDN	40		-	-
VIII	(LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30 – 40)	41		(21.464.260.180)	28.149.096.718

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Ông Phạm Phò Hạp
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B02 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
I	TÀI SẢN				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	110	4	16.164.663.074	22.891.611.972
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		16.164.663.074	5.656.890.237
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	112		-	17.234.721.735
2	Các khoản đầu tư thuần	120		76.447.860.698	92.688.070.600
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	76.447.860.698	92.688.070.600
3	Các khoản phải thu	130		1.364.855.818	3.163.830.187
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	6	804.791.000	2.501.342.350
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133	7	560.064.818	662.487.837
3.2.2	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>136</i>		<i>560.064.818</i>	<i>662.487.837</i>
	TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)	100		93.977.379.590	118.743.512.759
II	NỢ PHẢI TRẢ				
2	Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	8	741.110	649.873.350
3	Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	313		1.183.070	10.308.570
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		687.346	1.270.463
5	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	315		407.334	407.334
6	Chi phí phải trả	316	9	103.200.000	96.200.000
7	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	317		-	4.000.000
8	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	318		16.192.576.580	617.248.553
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	10	148.613.272	143.478.624
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 312 + 313 + 314 + 315 + 316 + 317 + 318 + 319)	300		16.447.408.712	1.522.786.894

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B02 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
III	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)	400		77.529.970.878	117.220.725.865
1	Vốn góp của Nhà đầu tư	411	11	57.370.825.652	70.711.517.552
1.1	Vốn góp phát hành	412		89.810.876.352	88.776.513.852
1.2	Vốn góp mua lại	413		(32.440.050.700)	(18.064.996.300)
2	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414	11	(344.188.224)	4.541.614.683
3	Lợi nhuận chưa phân phối	420	12	20.503.333.450	41.967.593.630
IV	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	430	11	13.513,83	16.577,32
V	LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	440			
1	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	441		-	3.349.604.890
2	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này	442		21.452.073.549	21.452.073.549
VI	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			31/12/2022 CCQ	31/12/2021 CCQ
4	Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	004	11	5.737.082,56	7.071.151,75

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Ông Phạm Phò Hốp
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****Mẫu B03 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	2022 VND	2021 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu năm	117.220.725.865	83.573.284.315
II	Thay đổi NAV so với năm trước	(21.464.260.180)	24.799.491.828
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	(21.464.260.180)	28.149.096.718
II.2	Thay đổi NAV của Quỹ do phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư trong năm	-	(3.349.604.890)
III	Thay đổi NAV do mua lại và phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ	(18.226.494.807)	8.847.949.722
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ	1.588.839.857	26.301.224.524
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ Quỹ	(19.815.334.664)	(17.453.274.802)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm (IV = I + II + III)	77.529.970.878	117.220.725.865

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởngÔng Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B04 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2022 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2022 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
I	Mã cổ phiếu niêm yết				
1	FPT	141.114	76.900	10.851.666.600	11,55%
2	CTG	170.336	27.250	4.641.656.000	4,94%
3	HPG	230.000	18.000	4.140.000.000	4,41%
4	MBB	208.296	17.100	3.561.861.600	3,79%
5	STB	140.000	22.500	3.150.000.000	3,35%
6	VNM	35.000	76.100	2.663.500.000	2,83%
7	VPB	137.500	17.900	2.461.250.000	2,62%
8	BVH	48.000	46.600	2.236.800.000	2,38%
9	VRE	85.000	26.300	2.235.500.000	2,38%
10	BMI	90.000	21.500	1.935.000.000	2,06%
11	PC1	84.500	20.200	1.706.900.000	1,82%
12	GMD	35.000	45.400	1.589.000.000	1,69%
13	VAB	175.200	8.600	1.506.720.000	1,60%
14	DGC	25.000	58.900	1.472.500.000	1,57%
15	NAF	150.000	9.500	1.425.000.000	1,52%
16	HCM	65.000	20.000	1.300.000.000	1,38%
17	PHR	30.000	39.400	1.182.000.000	1,26%
18	STK	39.600	27.500	1.089.000.000	1,16%
19	ILB	40.000	24.950	998.000.000	1,06%
20	BSR	50.100	13.300	666.330.000	0,71%
21	ADS	63.250	9.410	595.182.500	0,63%
22	MML	13.000	36.300	471.900.000	0,49%
		<hr/>		<hr/>	
		2.055.896		51.879.766.700	55,20%
		<hr/>		<hr/>	

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B04 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2022 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
II	Các tài sản khác		
1	Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngân hàng TMCP Á Châu ▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt ▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa 	7.020.000.000 5.548.093.998 5.000.000.000	7,47% 5,90% 5,32%
2	Phải thu về bán các khoản đầu tư	804.791.000	0,86%
3	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	560.064.818	0,60%
		<hr/>	
		18.932.949.816	20,15%
III	Tiền		
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa 	16.164.663.074	17,20%
2	Chứng chỉ tiền gửi ghi danh	7.000.000.000	7,45%
		<hr/>	
		23.164.663.074	24,65%
IV	Tổng giá trị danh mục	<hr/>	
		93.977.379.590	100,00%

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Ông Phạm Phô Hô
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B05 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(21.464.260.180)	28.149.096.718
Điều chỉnh cho các khoản (giảm)/tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	02		24.560.220.645	(11.414.534.791)
Chênh lệch (giảm)/tăng thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03		24.560.220.645	(11.414.534.791)
Lãi từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05		3.095.960.465	16.734.561.927
Tăng các khoản đầu tư	20		(8.320.010.743)	(16.639.547.896)
Giảm phải thu về bán các khoản đầu tư	06		1.696.551.350	1.437.524.474
Giảm/(tăng) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07		102.423.019	(455.986.901)
Giảm phải trả về mua các khoản đầu tư (Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	11		(9.125.500)	10.015.716
Tăng phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12		-	81.978
(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	13		(583.117)	611.892
Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	14		(4.000.000)	4.000.000
Tăng phải trả, phải nộp khác	15		15.575.328.027	617.248.553
Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	16		7.000.000	10.000.000
Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	17		5.134.648	25.844.196
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	19		11.499.545.909	(1.567.306.111)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ	31	11	1.588.839.857	26.301.224.524
Tiền chi mua lại Chứng chỉ Quỹ	32	11	(19.815.334.664)	(17.453.274.802)
Tiền chi trả cổ tức, tiền lãi cho Nhà đầu tư	35		-	(3.349.604.890)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30		(18.226.494.807)	5.498.344.832
(Giảm)/tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm	40		(6.726.948.898)	3.931.038.721

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B05 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	50	4	22.891.611.972	18.960.573.251
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	51		22.891.611.972	18.960.573.251
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	52		5.656.890.237	9.039.602.490
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	52		17.234.721.735	9.920.970.761
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	55	4	16.164.663.074	22.891.611.972
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	56		16.164.663.074	22.891.611.972
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	57		16.164.663.074	5.656.890.237
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	57		-	17.234.721.735
Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm	60		(6.726.948.898)	3.931.038.721

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) được thành lập ban đầu dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014, điều chỉnh một lần theo Giấy Chứng nhận về việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư Đại chúng số 03/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 4 năm 2019. Theo giấy chứng nhận này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương đương với 5.431.408,95 Chứng chỉ Quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Chứng chỉ Quỹ được giao dịch thông qua các Đại lý phân phối.

Chứng chỉ Quỹ đã được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014. Theo giấy chứng nhận này, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 VND, tương đương với 5.000.000 Chứng chỉ Quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành tháng 12 năm 2013 và được điều chỉnh, bổ sung lần gần nhất (lần 8) vào tháng 4 năm 2022.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Tầng 5, Tòa nhà HM, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các tiêu chí sau:

- (i) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- (ii) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (iii) Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- (iv) Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các khoản đầu tư sau được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ:
- tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
 - trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; và
 - chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ.
- (v) Quỹ không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- (vi) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức và có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ vào:
- công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; và
 - trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.
- (vii) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (viii) Quỹ không được đầu tư vào chính Chứng chỉ Quỹ của Quỹ;
- (ix) Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- (x) Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

(xi) Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

Theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã nêu trên tại các tiêu chí (i), (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (ix) chỉ do các nguyên nhân sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Kỳ xác định giá trị tài sản ròng (NAV)

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào thứ sáu (“ngày định giá”) theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ. Trường hợp ngày định giá là ngày nghỉ lễ (theo quy định của Nhà nước) thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

Ngoài ra, Quỹ cũng xác định giá trị tài sản ròng tại ngày cuối cùng mỗi tháng cho mục đích lập báo cáo theo pháp luật chứng khoán hiện hành áp dụng cho Quỹ mở.

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.

Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ là ngày thứ sáu hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Trong trường hợp ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ rơi vào ngày nghỉ lễ thì hoạt động giao dịch được chuyển sang ngày thứ sáu tuần kế tiếp. Tần suất giao dịch của Chứng chỉ Quỹ không ít hơn hai (02) lần trong một tháng. Trong trường hợp do ngày nghỉ lễ khiến cho số ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ ít hơn (02) lần trong một tháng, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù trước ít nhất một (01) tháng trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198”), Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở (“Thông tư 181”), các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khác.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày tại Thuyết minh 3(b), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.



Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp được nêu tại Thuyết minh 3(b)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong năm.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch, là ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua khoản đầu tư đó.

(iii) Xác định giá trị

Theo Thông tư 98, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

Trái phiếu

▪ Trái phiếu niêm yết:

Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ chọn một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

▪ Trái phiếu chưa niêm yết:

Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc Công ty Quản lý Quỹ chọn một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu

▪ Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán các công ty đại chúng chưa được niêm yết (“UPCOM”):

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị sổ sách.

▪ Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch:

Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu của các công ty này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

▪ Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp.

Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; hoặc

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

- Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
 - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
 - Giá mua; hoặc
 - Giá trị sổ sách.
- **Cổ phiếu được phép đầu tư nhưng chưa đăng ký, lưu ký và chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:**
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cùng cấp.
Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
- Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
 - Giá mua; hoặc
 - Giá trị sổ sách.
- **Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:**
Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
- Giá trị sổ sách; hoặc
 - Mệnh giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- **Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản:**
Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Quyền mua chứng khoán

Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính và báo cáo thu nhập tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(iv) **Chấm dứt ghi nhận**

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

(c) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư và phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) **Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ, phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(e) **Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(f) **Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ để kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Theo quy định của Thông tư 98, quỹ mở không được cho vay (ngoại trừ trường hợp đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu).

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(g) Thuế

Giao dịch trả lợi tức cho Nhà đầu tư

Việc chi trả lợi tức của Quỹ cho các nhà đầu tư cần đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính, theo đó lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong năm hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật.

Khi Quỹ trả lợi tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 96”) và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia lợi tức cho tổ chức đầu tư và các quy định khác có liên quan. Theo đó, khi trả lợi tức cho các nhà đầu tư là tổ chức đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của tổ chức đầu tư theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả lợi tức cho nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối. Đối với các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, các nhà đầu tư này có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành khi nhận lợi tức, và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh.

Giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92, Thông tư 25 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 78 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

(h) Các giao dịch về vốn, thặng dư vốn và lợi nhuận chưa phân phối

(i) *Vốn góp của Nhà đầu tư*

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.

(ii) *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng và mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

(iii) *Lỗ lũy kế/Lợi nhuận chưa phân phối*

Lỗ lũy kế/Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lỗ lũy kế/Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện.

Lỗ/lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện là tổng giá trị lỗ/lãi đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán năm, Quỹ xác định lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào “Lỗ lũy kế/Lợi nhuận chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

(iv) *Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư*

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

(i) Chứng chỉ Quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ

Chứng chỉ Quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các Chứng chỉ Quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi Chứng chỉ Quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ đồng thời cũng phản ánh lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chỉ thực tế từ việc phát hành/mua lại Chứng chỉ Quỹ dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ Quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi tức của Quỹ được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà lợi tức được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

(j) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận.

(i) Thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

(k) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm chi trả.

(l) Giá trị tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ Quỹ

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(m) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các bên liên quan khác của Công ty Quản lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ được xem là các bên liên quan của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán.

(o) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm trước.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng sau đây:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	16.164.663.074	5.656.890.237
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng		
▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt		- 17.234.721.735
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	16.164.663.074	22.891.611.972

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không có khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng (31/12/2021: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn của Quỹ hưởng lãi suất năm là 3,90%).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được Quỹ đầu tư như được liệt kê trên báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(b), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư tại các ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch do đánh giá lại trong năm		Giá trị đánh giá lại VND
	[1]	[2]	VND	[3]	VND	[4]	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022							[5]=[1]+[3]+[4]
Cổ phiếu niêm yết	59.561.192.874	51.879.766.700	51.879.766.700	4.583.674.379	(12.265.100.553)	51.879.766.700	
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	17.568.093.998	17.568.093.998	17.568.093.998	-	-	17.568.093.998	
Chứng chỉ tiền gửi ghi danh	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000	
	84.129.286.872	76.447.860.698	76.447.860.698	4.583.674.379	(12.265.100.553)	76.447.860.698	
Ngày 31 tháng 12 năm 2021							
Cổ phiếu niêm yết	54.205.944.629	71.084.739.100	71.084.739.100	18.314.076.920	(1.435.282.449)	71.084.739.100	
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	14.603.331.500	14.603.331.500	14.603.331.500	-	-	14.603.331.500	
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000	
	75.809.276.129	92.688.070.600	92.688.070.600	18.314.076.920	(1.435.282.449)	92.688.070.600	

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu về bán các khoản đầu tư**

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải thu về bán các khoản đầu tư	804.791.000	2.501.342.350

Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán chậm nhất vào lúc 12h của ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch (12h ngày T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

7. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Dự thu trái tức	-	298.027.397
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	229.489.476	283.391.640
Dự thu cổ tức	204.000.000	81.068.800
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi ghi danh	126.575.342	-
	560.064.818	662.487.837

8. Phải trả về mua các khoản đầu tư

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	741.110	649.873.350

Số dư phải trả về mua các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán chậm nhất vào lúc 12h của ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch (12h ngày T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí phải trả

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phí kiểm toán	87.000.000	80.000.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000
	<hr/>	<hr/>
	103.200.000	96.200.000
	<hr/>	<hr/>

10. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Giá dịch vụ quản lý Quỹ	95.371.250	89.532.424
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán	20.000.000	20.000.000
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng	11.000.000	11.000.000
Giá dịch vụ giám sát Quỹ	5.500.000	5.500.000
Giá giao dịch chứng khoán	242.022	946.200
	<hr/>	<hr/>
	148.613.272	143.478.624
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***11. Vốn góp của Nhà đầu tư**

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương ứng với 5.431.408,95 Chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp và số lượng Chứng chỉ Quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2021 VND	Phát sinh trong năm VND	Tại ngày 31/12/2022 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	8.877.651,38	103.436,25	8.981.087,63
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	88.776.513.852	1.034.362.500	89.810.876.352
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	12.825.334.242	554.477.357	13.379.811.599
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ (4) = (2) + (3)	VND	101.601.848.094	1.588.839.857	103.190.687.951
Vốn góp mua lại				
Số lượng (5)	CCQ	(1.806.499,63)	(1.437.505,44)	(3.244.005,07)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(18.064.996.300)	(14.375.054.400)	(32.440.050.700)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	(8.283.719.559)	(5.440.280.264)	(13.723.999.823)
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(26.348.715.859)	(19.815.334.664)	(46.164.050.523)
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)	CCQ	7.071.151,75	(1.334.069,19)	5.737.082,56
Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)	VND	70.711.517.552	(13.340.691.900)	57.370.825.652
Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) + (7)	VND	4.541.614.683	(4.885.802.907)	(344.188.224)
Lợi nhuận chưa phân phối (12)	VND	41.967.593.630	(21.464.260.180)	20.503.333.450
NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)	VND	117.220.725.865	-	77.529.970.878
NAV hiện hành/1 Chứng chỉ Quỹ (14) = (13)/(9)	VND/CCQ	16.577,32	-	13.513,83

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***12. Lợi nhuận chưa phân phối**

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế trong năm	41.967.593.630 (21.464.260.180)	17.168.101.802 28.149.096.718
Trong đó		
<i>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện</i>	<i>3.095.960.465 (24.560.220.645)</i>	<i>16.734.561.927 11.414.534.791</i>
Chia cổ tức	-	(3.349.604.890)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	20.503.333.450	41.967.593.630

13. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức và trái tức được chia trong năm		
<i>Cổ tức phát sinh trong năm</i>	<i>1.005.829.972</i>	<i>1.323.651.728</i>
<i>Tiền lãi trái phiếu</i>	<i>544.273.973</i>	<i>41.279.869</i>
<i>Dự thu cổ tức</i>	<i>204.000.000</i>	<i>81.068.800</i>
<i>Dự thu trái tức</i>	<i>-</i>	<i>298.027.397</i>
	1.754.103.945	1.744.027.794
Tiền lãi được nhận trong năm		
<i>Tiền lãi phát sinh trong năm</i>	<i>1.237.627.838</i>	<i>790.914.189</i>
<i>Dự thu lãi</i>	<i>356.064.818</i>	<i>283.391.640</i>
	1.593.692.656	1.074.305.829
	3.347.796.601	2.818.333.623

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***14. Lãi bán các khoản đầu tư****Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong năm kết thúc ngày 31/12/2022 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2022 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2021 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	89.260.348.800	87.141.531.755	2.118.817.045	41.201.620.184	39.082.803.139
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-
	96.260.348.800	94.141.531.755	2.118.817.045	41.201.620.184	39.082.803.139

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong năm kết thúc ngày 31/12/2021 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2021 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2020 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	111.246.974.700	95.164.638.691	16.082.336.009	39.082.803.139	23.000.467.130

Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

15. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 31/12/2022 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND [3] = [2] - [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND [4]	Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm 2022 VND [5] = [3] - [4]
Cổ phiếu niêm yết	59.561.192.874	51.879.766.700	(7.681.426.174)	16.878.794.471	(24.560.220.645)
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	17.568.093.998	17.568.093.998	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi ghi danh	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-
	84.129.286.872	76.447.860.698	(7.681.426.174)	16.878.794.471	(24.560.220.645)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 31/12/2021 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND [3] = [2] - [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2020 VND [4]	Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm 2021 VND [5] = [3] - [4]
Cổ phiếu niêm yết	54.205.944.629	71.084.739.100	16.878.794.471	5.464.259.680	11.414.534.791
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	14.603.331.500	14.603.331.500	-	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-
	75.809.276.129	92.688.070.600	16.878.794.471	5.464.259.680	11.414.534.791

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí môi giới bán cổ phiếu	133.890.530	157.706.247
Chi phí môi giới mua cổ phiếu	138.646.180	166.870.471
	<hr/>	<hr/>
	272.536.710	324.576.718
	<hr/>	<hr/>



Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Trong năm, giao dịch của Quỹ được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Tên các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo [2]	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ [3]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm [6] = [4]/[5]	Phí giao dịch bình quân trên thị trường [8]
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND [4]	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VND [5]		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không phải bên liên quan	75.239.251.800	181.691.128.800	41,41%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không phải bên liên quan	21.755.625.000	181.691.128.800	11,97%	0,15%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Không phải bên liên quan	48.742.175.000	181.691.128.800	26,83%	0,15%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	35.954.077.000	181.691.128.800	19,79%	0,15%
	Tổng		181.691.128.800		100,00%	

(*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch lô lẻ và các giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.

Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Tên các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quý qua từng công ty chứng khoán		Tỷ lệ giao dịch của Quý qua công ty chứng khoán trong năm	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong năm của Quý với từng công ty chứng khoán VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quý (*) VND		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4]/[5]	[7]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không phải bên liên quan	98.391.795.000	216.384.469.700	45,47%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không phải bên liên quan	49.407.105.000	216.384.469.700	22,83%	0,15%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Không phải bên liên quan	63.488.824.700	216.384.469.700	29,34%	0,15%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	5.096.745.000	216.384.469.700	2,36%	0,15%
Tổng			216.384.469.700		100,00%	

(*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch lô lẻ và các giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quý.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***17. Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ**

	2022 VND	2021 VND
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát	240.000.000	240.000.000
Phí giao dịch chứng khoán và xử lý hồ sơ phải trả cho Ngân hàng Giám sát	58.731.589	71.348.450
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	5.775.402	5.694.730
	<hr/> <hr/> 304.506.991	<hr/> <hr/> 317.043.180

18. Chi phí hoạt động khác

	2022 VND	2021 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	72.000.000	72.000.000
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước	7.500.000	5.000.000
Phí ngân hàng	10.100.225	8.814.834
	<hr/> <hr/> 89.600.225	<hr/> <hr/> 85.814.834

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***19. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2022			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND/CCQ
	31/12/2021	117.220.725.865	7.071.151,75	16.577,32	
1	06/01/2022	117.319.607.398	7.071.151,75	16.591,30	13,98
2	13/01/2022	114.331.970.986	7.073.788,26	16.162,76	(428,54)
3	20/01/2022	112.977.624.106	7.074.233,63	15.970,30	(192,46)
4	27/01/2022	112.730.007.430	7.075.163,27	15.933,20	(37,10)
5	31/01/2022	113.872.645.667	7.081.639,76	16.079,98	146,78
6	03/02/2022	113.872.416.450	7.081.639,76	16.079,95	(0,03)
7	10/02/2022	115.766.545.444	7.081.639,76	16.347,42	267,47
8	17/02/2022	115.967.446.371	7.082.231,98	16.374,42	27,00
9	24/02/2022	115.403.877.031	7.087.784,90	16.282,08	(92,34)
10	28/02/2022	116.141.035.326	7.088.034,40	16.385,51	103,43
11	03/03/2022	116.279.023.723	7.088.034,40	16.404,97	19,46
12	10/03/2022	115.879.927.444	7.088.673,25	16.347,20	(57,77)
13	17/03/2022	115.149.890.187	7.052.245,84	16.328,12	(19,08)
14	24/03/2022	117.026.778.785	7.051.467,91	16.596,09	267,97
15	31/03/2022	118.425.191.372	7.051.467,91	16.794,40	198,31
16	07/04/2022	119.337.049.902	7.047.574,18	16.933,07	138,67
17	14/04/2022	117.468.891.587	7.024.987,66	16.721,58	(211,49)
18	21/04/2022	113.563.659.459	7.024.574,09	16.166,63	(554,95)
19	28/04/2022	111.527.927.308	7.025.731,81	15.874,21	(292,42)
20	30/04/2022	112.088.675.936	7.022.688,37	15.960,94	86,73
21	05/05/2022	111.396.994.043	7.022.688,37	15.862,44	(98,50)
22	12/05/2022	103.979.704.779	7.024.981,58	14.801,42	(1.061,02)
23	19/05/2022	104.135.683.473	7.024.999,30	14.823,59	22,17
24	26/05/2022	106.327.949.824	7.019.668,87	15.147,15	323,56
25	31/05/2022	107.979.606.210	7.021.167,62	15.379,15	232,00
26	02/06/2022	107.345.680.788	7.021.167,62	15.288,86	(90,29)
27	09/06/2022	109.203.680.229	7.021.506,78	15.552,74	263,88
28	16/06/2022	104.620.011.212	7.021.136,43	14.900,72	(652,02)
29	23/06/2022	102.245.911.678	7.021.140,95	14.562,58	(338,14)
30	30/06/2022	102.655.028.433	7.016.206,98	14.631,13	68,55
31	07/07/2022	101.778.718.495	7.016.585,87	14.505,45	(125,68)
32	14/07/2022	102.963.818.453	7.017.116,36	14.673,24	167,79
33	21/07/2022	104.113.785.155	7.043.699,55	14.781,12	107,88
34	28/07/2022	104.386.664.967	7.044.005,02	14.819,22	38,10
35	31/07/2022	104.124.214.575	7.043.278,22	14.783,49	(35,73)
36	04/08/2022	106.217.109.961	7.043.278,22	15.080,64	297,15
37	11/08/2022	104.833.963.189	6.965.846,20	15.049,71	(30,93)
38	18/08/2022	105.735.381.981	6.966.554,59	15.177,57	127,86
39	25/08/2022	106.739.277.503	6.966.963,79	15.320,77	143,20

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2022			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
40	31/08/2022	106.263.921.249	6.965.479,53	15.255,79	(64,98)
41	01/09/2022	106.263.228.776	6.965.479,53	15.255,69	(0,10)
42	08/09/2022	104.609.492.734	6.965.479,53	15.018,28	(237,41)
43	15/09/2022	104.547.898.560	6.964.915,39	15.010,65	(7,63)
44	22/09/2022	102.892.662.174	6.963.739,33	14.775,49	(235,16)
45	29/09/2022	98.405.801.671	6.958.742,43	14.141,32	(634,17)
46	30/09/2022	99.128.948.688	6.949.706,65	14.263,76	122,44
47	06/10/2022	95.071.058.430	6.949.706,65	13.679,87	(583,89)
48	13/10/2022	93.845.687.628	6.950.014,08	13.502,95	(176,92)
49	20/10/2022	94.786.453.799	6.949.180,01	13.639,95	137,00
50	27/10/2022	93.536.376.360	6.949.568,38	13.459,31	(180,64)
51	31/10/2022	93.345.221.339	6.951.372,36	13.428,32	(30,99)
52	03/11/2022	93.311.090.558	6.951.372,36	13.423,41	(4,91)
53	10/11/2022	89.668.508.934	6.949.617,01	12.902,65	(520,76)
54	17/11/2022	89.317.998.688	6.949.540,58	12.852,36	(50,29)
55	24/11/2022	89.545.972.509	6.948.030,41	12.887,96	35,60
56	30/11/2022	93.987.018.672	6.946.825,05	13.529,49	641,53
57	01/12/2022	93.615.968.829	6.946.825,05	13.476,08	(53,41)
58	08/12/2022	94.761.804.880	6.946.274,07	13.642,11	166,03
59	15/12/2022	95.932.267.182	6.946.126,60	13.810,90	168,79
60	22/12/2022	94.652.118.425	6.939.898,64	13.638,83	(172,07)
61	29/12/2022	93.411.469.389	6.940.150,94	13.459,57	(179,26)
62	31/12/2022	77.529.970.878	5.737.082,56	13.513,83	54,26
▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm		104.908.779.310			
▪ Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức cao nhất		(1.061,02)			
▪ Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức thấp nhất		(0,03)			

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND/CCQ
	31/12/2020	83.573.284.315	6.512.955,34	12.831,85	
1	07/01/2021	87.093.827.825	6.512.955,34	13.372,40	540,55
2	14/01/2021	89.223.812.785	6.512.955,34	13.699,44	327,04
3	21/01/2021	88.409.258.409	6.512.955,34	13.574,37	(125,07)
4	28/01/2021	81.364.786.962	6.512.955,34	12.492,76	(1.081,61)
5	31/01/2021	83.564.790.963	6.512.955,34	12.830,55	337,79
6	04/02/2021	86.600.450.992	6.512.955,34	13.296,64	466,09
7	11/02/2021	87.921.268.310	6.557.853,89	13.407,02	110,38
8	18/02/2021	90.435.792.713	6.557.853,89	13.790,46	383,44
9	25/02/2021	90.191.380.796	6.557.853,89	13.753,19	(37,27)
10	28/02/2021	90.518.588.110	6.557.853,89	13.803,08	49,89
11	04/03/2021	90.517.682.634	6.557.853,89	13.802,94	(0,14)
12	11/03/2021	92.016.491.664	6.593.896,93	13.954,80	151,86
13	18/03/2021	93.573.611.736	6.593.896,93	14.190,94	236,14
14	25/03/2021	91.845.368.971	6.628.954,50	13.855,18	(335,76)
15	31/03/2021	93.254.998.471	6.628.954,50	14.067,83	212,65
16	01/04/2021	94.561.167.720	6.628.954,50	14.264,87	197,04
17	08/04/2021	95.622.057.008	6.663.830,38	14.349,41	84,54
18	15/04/2021	94.657.450.391	6.663.830,38	14.204,66	(144,75)
19	22/04/2021	92.433.125.361	6.674.337,49	13.849,03	(355,63)
20	29/04/2021	93.241.112.277	6.674.337,49	13.970,09	121,06
21	30/04/2021	93.239.531.557	6.674.337,49	13.969,86	(0,23)
22	06/05/2021	93.922.315.187	6.674.337,49	14.072,16	102,30
23	13/05/2021	95.725.340.898	6.682.530,41	14.324,71	252,55
24	20/05/2021	97.626.341.244	6.691.671,39	14.589,23	264,52
25	27/05/2021	98.709.387.340	6.695.433,06	14.742,79	153,56
26	31/05/2021	100.552.618.925	6.662.075,61	15.093,29	350,50
27	03/06/2021	102.966.021.967	6.662.075,61	15.455,55	362,26
28	10/06/2021	100.055.508.241	6.668.127,69	15.005,04	(450,51)
29	17/06/2021	101.567.912.331	6.673.859,68	15.218,77	213,73
30	24/06/2021	102.457.614.332	6.674.763,07	15.350,00	131,23
31	30/06/2021	103.482.821.810	6.679.793,63	15.491,92	141,92
32	01/07/2021	103.946.652.603	6.679.793,63	15.561,36	69,44
33	08/07/2021	102.174.163.992	6.681.608,60	15.291,85	(269,51)
34	15/07/2021	98.813.934.944	6.646.930,58	14.866,10	(425,75)
35	22/07/2021	99.960.074.864	6.648.941,35	15.033,98	167,88
36	29/07/2021	101.757.752.114	6.650.825,77	15.300,02	266,04
37	31/07/2021	102.965.857.271	6.648.441,80	15.487,22	187,20
38	05/08/2021	104.268.836.082	6.648.441,80	15.683,20	195,98
39	12/08/2021	104.196.353.095	6.646.033,36	15.677,98	(5,22)
40	19/08/2021	105.293.016.759	6.642.762,48	15.850,79	172,81
41	26/08/2021	103.423.005.781	6.660.664,15	15.527,43	(323,36)

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	Năm kết thúc ngày 31/12/2021			
				NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ		
42	31/08/2021	104.725.927.122	6.662.821,17	15.717,96	190,53		
43	02/09/2021	105.232.179.763	6.662.821,17	15.793,94	75,98		
44	09/09/2021	106.074.491.595	6.662.821,17	15.920,36	126,42		
45	16/09/2021	107.008.215.406	6.664.215,97	16.057,13	136,77		
46	23/09/2021	107.085.085.456	6.683.773,68	16.021,65	(35,48)		
47	30/09/2021	107.158.735.460	6.693.695,05	16.008,91	(12,74)		
48	07/10/2021	106.447.858.272	6.699.209,78	15.889,61	(119,30)		
49	14/10/2021	108.986.597.231	6.704.188,36	16.256,49	366,88		
50	21/10/2021	109.979.804.773	6.764.714,44	16.257,86	1,37		
51	28/10/2021	112.225.233.835	6.772.669,38	16.570,31	312,45		
52	31/10/2021	112.189.191.597	6.790.574,83	16.521,31	(49,00)		
53	04/11/2021	112.270.369.215	6.790.574,83	16.533,26	11,95		
54	11/11/2021	97.783.147.319	5.950.275,69	16.433,38	(99,88)		
55	18/11/2021	99.191.324.290	5.977.092,75	16.595,25	161,87		
56	25/11/2021	118.236.790.845	7.054.920,98	16.759,48	164,23		
57	30/11/2021	116.590.747.272	7.053.358,36	16.529,82	(229,66)		
58	02/12/2021	116.805.854.447	7.053.358,36	16.560,32	30,50		
59	09/12/2021	116.699.539.697	7.070.149,18	16.505,95	(54,37)		
60	16/12/2021	117.954.088.710	7.072.178,95	16.678,61	172,66		
61	23/12/2021	116.774.328.898	7.101.549,44	16.443,50	(235,11)		
62	30/12/2021	117.050.876.167	7.102.542,16	16.480,14	36,64		
63	31/12/2021	117.220.725.865	7.071.151,75	16.577,32	97,18		
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm ▪ Biến động NAV/1CCQ trong năm ở mức cao nhất ▪ Biến động NAV/1CCQ trong năm ở mức thấp nhất 					100.918.146.011	(1.081,61)	(0,14)

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***20. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác****(a) Giao dịch với các bên liên quan****(i) Các bên liên quan**

Trong năm, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt – Công ty Quản lý Quỹ

	2022	2021
	VND	VND
Giá dịch vụ quản lý Quỹ	1.161.009.255	906.572.973
Mua Chứng chỉ Quỹ		
<i>Số lượng Chứng chỉ Quỹ</i>	-	989.289,10
<i>Giá trị theo mệnh giá</i>	-	9.892.891.000
<i>Thặng dư vốn</i>	-	6.524.609.000
Bán Chứng chỉ Quỹ		
<i>Số lượng Chứng chỉ Quỹ</i>	1.200.000	850.000,00
<i>Giá trị theo mệnh giá</i>	12.000.000.000	8.500.000.000
<i>Thặng dư vốn</i>	4.151.484.000	5.553.271.000

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận giá dịch vụ quản lý Quỹ là 0,9% (đến ngày 17 tháng 4 năm 2022) và 1,2% (từ ngày 18 tháng 4 năm 2022) một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá (2021: 0,9% một năm). Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ kế toán năm để đảm bảo tổng giá dịch vụ quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt – bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

	2022	2021
	VND	VND
Phí môi giới	53.931.121	7.645.118
Thu nhập từ lãi trái phiếu	544,273,973	-
Giao dịch bán trái phiếu	7.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt là một trong các công ty chứng khoán có giao dịch với Quỹ và là đại lý phân phối chứng chỉ quỹ của Quỹ từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 (ngày thành lập). Phí môi giới phải trả công ty chứng khoán được tính bằng 0,15% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***Ngân hàng TMCP Bản Việt – bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ**

	2022 VND	2021 VND
Gửi tiền gửi và tái tục tiền gửi có kỳ hạn	131.660.780.088	160.579.035.789
Nhận tiền gửi và đáo hạn tiền gửi có kỳ hạn	152.906.629.736	154.225.771.310
Mua chứng chỉ tiền gửi ghi danh	7.000.000.000	-
Thu nhập từ lãi tiền gửi	1.315.356.308	994.517.888
Phí ngân hàng	3.611.330	3.012.884

Ban Đại diện Quỹ

	2022 VND	2021 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	72.000.000	72.000.000

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao cho thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ mà các bên liên quan nắm giữ

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2022	31/12/2021
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	83,309%	84,562%
Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	6,897%	5,596%
Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Trưởng Ban Kiểm Soát	0,173%	0,141%
Nguyễn Thanh Tú	Thành viên Ban Kiểm Soát Nội Bộ	0,185%	0,141%
Nguyễn Thị Ngọc Mỹ và các bên liên quan	Thành Viên Ban Kiểm Soát	0,144%	0,116%
Khúc Thị Kiều và các bên liên quan	Kế Toán Trưởng	0,044%	0,035%
Phạm Gia Tuấn và các bên liên quan	Thành viên HĐQT	0,014%	0,011%
Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành Viên Ban Kiểm Soát	0,024%	0,000%
		90,790%	90,602%

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Các hợp đồng then chốt khác

Giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Ngân hàng Giám sát

	2022 VND	2021 VND
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán	240.000.000	240.000.000
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	198.000.000	198.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	126.100.300	-
Giá dịch vụ giám sát	66.000.000	66.000.000
Phí giao dịch chứng khoán	58.731.589	71.348.450
Phí ngân hàng	5.975.099	5.801.950
	<hr/>	<hr/>
	694.806.988	581.150.400

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát tài sản và giá dịch vụ quản trị quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Lưu ký chứng khoán (không chịu VAT)	<ul style="list-style-type: none">0,06% trên NAV mỗi năm;Mức giá dịch vụ lưu ký tối thiểu là 20.000.000 VND mỗi tháng.
Quản trị Quỹ (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none">0,03% trên NAV mỗi năm;Mức giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu là 16.500.000 VND mỗi tháng.
Giám sát (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none">0,02% trên NAV mỗi năm;Mức giá dịch vụ giám sát tối thiểu là 5.500.000 VND mỗi tháng.

Các giá dịch vụ trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Ngoài các phí và giá dịch vụ trên, Quỹ còn phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát các chi phí liên quan đến việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giao dịch mua/bán chứng khoán	<ul style="list-style-type: none">0,03% trên tổng giá trị giao dịch;Mức phí giao dịch tối thiểu là 50.000 VND mỗi ngày có giao dịch thành công.
Trái phiếu	<ul style="list-style-type: none">0,01% trên tổng giá trị giao dịch;Mức phí giao dịch tối thiểu là 50.000 VND mỗi ngày có giao dịch thành công.
Các khoản đầu tư khác	<ul style="list-style-type: none">100.000 VND mỗi ngày phát sinh giao dịch.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***(b) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Công ty Quản lý Quỹ		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt		
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	16.151.484.000	-
Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả	95.371.250	89.532.424
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ	4.779.533,44	5.979.533,44
Phải trả phí phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ	1.183.070	10.308.570
Ngân hàng giám sát		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	16.164.663.074	5.656.890.237
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	5.000.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	56.986.301	-
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả	20.000.000	20.000.000
Giá dịch vụ quản trị Quỹ phải trả	16.500.000	16.500.000
Giá dịch vụ giám sát Quỹ phải trả	5.500.000	5.500.000
Giá giao dịch chứng khoán phải trả	242.022	946.200
Các bên liên quan khác		
Ngân hàng TMCP Bản Việt		
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	-	17.234.721.735
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	5.548.093.998	9.559.221.911
Chứng chỉ tiền gửi ghi danh	7.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	220.503.613	262.593.325
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt		
Trái phiếu chưa niêm yết	-	7.000.000.000
Ban Đại diện Quỹ		
Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***21. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở**

	2022	2021
I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư		
1 Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong năm (%)	1,11%	0,90%
2 Giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong năm (%)	0,35%	0,38%
3 Giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong năm (%)	0,31%	0,33%
4 Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong năm (%)	0,14%	0,13%
5 Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong năm (%)	0,07%	0,07%
6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong năm (%)	2,00%	1,82%
7 Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong năm (lần)	0,93	1,13

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

	2022	2021
II Các chỉ tiêu khác		
1 Quy mô Quỹ đầu năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ)		
Tổng giá trị Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu năm	70.711.517.552	65.129.553.452
Tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu năm	7.071.151,75	6.512.955,34
2 Thay đổi quy mô Quỹ trong năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ)		
Số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong năm	103.436,25	1.623.477,88
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong năm (theo mệnh giá)	1.034.362.500	16.234.778.800
Số lượng Chứng chỉ quỹ mua lại trong năm	(1.437.505,44)	(1.065.281,47)
Giá trị vốn góp mua lại trong năm khi đáp ứng lệnh của Nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(14.375.054.400)	(10.652.814.700)
3 Quy mô Quỹ cuối năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ)		
Tổng giá trị Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối năm	57.370.825.652	70.711.517.552
Tổng số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	5.737.082,56	7.071.151,75
4 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối năm		
	90,79%	90,60%
5 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của 10 Nhà đầu tư lớn nhất cuối năm		
	95,40%	96,03%
6 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài cuối năm		
	0,171%	0,139%
7 Số Nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm		
	172	157
8 NAV/Chứng chỉ Quỹ cuối năm		
	13.513,83	16.577,32

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

22. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và tiền gửi có kỳ hạn. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban Đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phát hành bởi một doanh nghiệp uy tín. Ban Đại diện Quỹ cho rằng sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Quỹ không còn nắm giữ trái phiếu chưa niêm yết.

Chứng chỉ tiền gửi được phát hành bởi tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban Đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại các ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	16.164.663.074	22.891.611.972
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	17.568.093.998	14.603.331.500
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	7.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi ghi danh	7.000.000.000	-
Phải thu về bán các khoản đầu tư	804.791.000	2.501.342.350
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	560.064.818	662.487.837
	42.097.612.890	47.658.773.659

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Các chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền trước chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Phải trả để mua các khoản đầu tư	741.110	741.110	741.110
Phải trả cho các Đại lý phân phối			
Chứng chỉ Quỹ	1.183.070	1.183.070	1.183.070
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	407.334	407.334	407.334
Chi phí phải trả	103.200.000	103.200.000	103.200.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại			
Chứng chỉ Quỹ	16.192.576.580	16.192.576.580	16.192.576.580
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	148.613.272	148.613.272	148.613.272
	16.446.721.366	16.446.721.366	16.446.721.366

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền trước chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Phải trả để mua các khoản đầu tư	649.873.350	649.873.350	649.873.350
Phải trả cho các Đại lý phân phối			
Chứng chỉ Quỹ	10.308.570	10.308.570	10.308.570
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	407.334	407.334	407.334
Chi phí phải trả	96.200.000	96.200.000	96.200.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	4.000.000	4.000.000	4.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại			
Chứng chỉ Quỹ	617.248.553	617.248.553	617.248.553
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	143.478.624	143.478.624	143.478.624
	1.521.516.431	1.521.516.431	1.521.516.431

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết hưởng lãi suất cố định và có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là VND cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư chủ yếu vào chứng khoán niêm yết. Các chứng khoán niêm yết sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 51.879.766.700 VND (31/12/2021: 71.084.739.100 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 32,78% (tỷ lệ thay đổi chỉ số VN-Index tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 so với ngày 31 tháng 12 năm 2021) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ tăng hoặc giảm tương ứng là 17.006.187.524 VND.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***(d) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết	51.879.766.700	51.879.766.700	71.084.739.100	71.084.739.100
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
▪ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	17.568.093.998	17.568.093.998	14.603.331.500	14.603.331.500
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	16.164.663.074	16.164.663.074	22.891.611.972	22.891.611.972
▪ Phải thu về bán các khoản đầu tư	804.791.000	804.791.000	2.501.342.350	2.501.342.350
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	560.064.818	560.064.818	662.487.837	662.487.837
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Phải trả để mua các khoản đầu tư	741.110	741.110	649.873.350	649.873.350
▪ Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	1.183.070	1.183.070	10.308.570	10.308.570
▪ Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	407.334	407.334	407.334	407.334
▪ Chi phí phải trả	103.200.000	103.200.000	96.200.000	96.200.000
▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	-	-	4.000.000	4.000.000
▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	16.192.576.580	16.192.576.580	617.248.553	617.248.553
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	148.613.272	148.613.272	143.478.624	143.478.624

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của chứng chỉ tiền gửi là giá trị ghi sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu đó trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết được xác định theo giá mua cộng lãi lũy kế.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của khoản mục đó do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

23. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán dẫn đến yêu cầu phải có điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

24. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 28 tháng 3 năm 2023.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhung
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Ông Phạm Phò Hốp
Tổng Giám đốc